



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Ký bởi: UBND Tỉnh Điện Biên
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1550 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Phòng bệnh, Dược phẩm, Dân số thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 1940/QĐ-BYT ngày 30/6/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02/7/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh; Quyết định số 2014/QĐ-BYT ngày 03/7/2026 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Dược phẩm theo quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; Quyết định số 2029/QĐ-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2080/QĐ-BYT ngày 8/7/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 1684/QĐ-

BYT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Phòng bệnh, Dược phẩm, Dân số thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên (có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Y tế;
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đoạt

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: AN TOÀN THỰC PHẨM; PHÒNG BỆNH; DU LỊCH; DÂN SỐ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1550 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Phi địa giới	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Qua DV BCCI
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm								
1	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Trong vòng 10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	- Phí: + Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 550.000 đồng/hồ sơ (áp dụng theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính); + Từ ngày 01/1/2027: 1.100.000 đồng/hồ sơ (áp dụng theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính).	Nghị quyết số 21/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế (khoản 1 Điều 2)	x	x	DVC TT toàn trình	x
II	Lĩnh vực Phòng bệnh								
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể,	- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Phí: - Kiểm tra y tế đối với thi thể: 20 USD/lần kiểm	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của	x	x	DVC TT một	x

	hài cốt	cốt không quá 15 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể, hài cốt, tro cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm dịch viên y tế tiếp cận được với thi thể, hài cốt, tro cốt cần được kiểm tra. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một dụng cụ chứa thi thể hoặc hài cốt hoặc tro cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.	tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	tra. - Kiểm tra y tế đối với hài cốt: 07 USD/lần kiểm tra. - Kiểm tra y tế đối với tro cốt: 05 USD/lần kiểm tra. - Xử lý vệ sinh thi thể: 40 USD/lần xử lý. - Xử lý vệ sinh hài cốt: 14 USD/lần xử lý. (Áp dụng theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên)	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh			phần	
2	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	- Thời gian hoàn thành việc quan sát y tế đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Phí: Đường bộ: Dưới 5 tấn: 35.000	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của	x	x	DVC TT một	x

		quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.	tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	đồng/lần Từ 5-10 tấn: 50.000 đồng/lần Từ 10-15 tấn: 60.000 đồng/lần Từ 15-30 tấn: 75.000 đồng/lần Từ 30-60 tấn: 80.000 đồng/lần Từ 60-100 tấn: 110.000 đồng/lần Trên 100 tấn: 140.000 đồng/lần Lô/kiện dưới 10kg: 7.000 đồng/lần Lô/kiện từ 10-100kg: 15.000 đồng/lần Lô/kiện trên 100kg: 20.000 đồng/lần. (Áp dụng theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên)	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh			phần	
3	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện	1. Đối với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không:	- Trung tâm Phục vụ Hành	Phí: - Kiểm dịch đối với phương tiện đường bộ:	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5	x	x	DVC TT một	x

	vận tải	- Thời gian quan sát không quá 15 phút với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 45 phút đối với phương tiện vận chuyển đường bộ, đường hàng không. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ; - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bắt chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y	chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	+ Trên 05 tấn: 35.000 đồng/phương tiện. + Dưới 05 tấn: 25.000 đồng/phương - Kiểm dịch đối với phương tiện đường hàng không: Chưa quy định; - Kiểm dịch đối phương tiện vận tải đường sắt và đường thủy: Chưa quy định; - Xử lý y tế: Diệt côn trùng, khử trùng theo mức giá tối đa tại Quyết định số 2419/QĐ-UBND. (Áp dụng theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên)	năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh			phần	
--	---------	--	--	--	---	--	--	------	--

		tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay. 2. Đối với phương tiện vận tải đường sắt và đường thủy: - Thời gian quan sát không quá 30 phút với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy (bao gồm cả phương tiện đường biển); - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 1,5 giờ đối với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ;						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận chuyển thuộc diện phải xử lý y tế. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt môi, xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, 04 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn - Thời gian cấp Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hoặc Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ hoặc thông tin. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm dịch viên y tế tiếp cận được với mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cần được kiểm tra. - Thời gian bắt đầu tiến hành xử lý y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người trong vòng 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	Phí: - Kiểm tra y tế đối với các mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người: 6,5 USD/lần kiểm tra/01 kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận. (Áp dụng theo Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên)	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh	x	x	DVC TT một phần	x
5	Xác định trường hợp được bồi thường khi sử dụng vắc	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;	Không quy định	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy	x	x	DVC TT toàn trình	x

	xin, sinh phẩm trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch khi có đề nghị của người được tiêm chủng hoặc thân nhân của người được tiêm chủng		- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã;		<i>định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh</i>				
6	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã;	<i>Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành: 2.500.000 đồng/lần. (Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 áp dụng mức phí theo Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ</i>	<i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh</i>	x	x	DVC TT toàn trình	x

				<i>trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế).</i>					
III	Lĩnh vực Dược phẩm								
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã;	1. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000 đồng 2. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP): a) Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000 đồng b) Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000 đồng 3. Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ	<i>Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i>	x	x	DVC TT toàn trình	x

				được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị thuốc cổ truyền) a) Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000 đồng b) Đối với cơ sở tại các địa bàn còn lại: 750.000 đồng					
2	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã.	Không	<i>Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i>	x	x	DVC TT toàn trình	x

Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực Phòng bệnh			
Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.002231.000.0 0.00.H18	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Nghị định số 165/2026/NĐ- CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh	TTHC này được công bố tại Quyết định số 2724/UBND ngày 27/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên
II	Lĩnh vực Dân số cấp xã			
Thủ tục hành chính cấp xã				
1	2.001088.000.0 0.00.H18	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Nghị định số 168/2026/NĐ- CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số	TTHC này được công bố tại Quyết định số 2724/UBND ngày 27/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên